

Trường:..... Họ và tên giáo viên:.....
Tổ:.....

TÊN BÀI DẠY:

BÀI 3 – SỰ SỐNG THIÊN LIÊNG (VĂN BẢN NGHỊ LUẬN)

Môn học: Ngữ Văn/Lớp: 8

Thời gian thực hiện: tiết

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Nhận diện và xác định được luận đề và luận điểm trong văn nghị luận
- Nhận biết và xác định được những bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận.
- Xác định được bố cục của văn bản.
- Nhận diện và phân tích được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.
- Xác định và phân tích được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.
- Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.
- Trình bày được ý kiến của bản thân về một vấn đề xã hội.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương, trân trọng con người và thiên nhiên...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm bài viết, bài trình bày của HS.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn: *Em từng nghe, đọc hay đã thuộc những ca khúc, bài thơ nào viết về Trái Đất? Chúng đã gọi lên trong em ấn tượng, cảm xúc gì?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS chia sẻ cảm nghĩ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS khác lắng nghe

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, khen ngợi những chia sẻ hay và thú vị của HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV tổng kết lại ý kiến và gợi dẫn vào chủ đề bài học

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung chủ đề Sự sống thiêng liêng

b. Nội dung: GV gợi dẫn HS thông qua gợi ý SGK

c. Sản phẩm học tập: HS chia sẻ được suy nghĩ, trải nghiệm bản thân về việc học.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i> trong SGK (trang 55) và dẫn HS vào chủ điểm của bài học.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc phần giới thiệu bài học</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời một vài HS chia sẻ, trả lời các câu hỏi gợi mở của GV trước lớp, yêu cầu HS cả lớp lắng nghe và nhận xét.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương tinh thần tham gia thảo luận của cả lớp.</p> <p>- GV chốt kiến thức về chủ đề bài học → Ghi lên bảng.</p>	<p>I. Giới thiệu bài học.</p> <p>- Chủ đề 3: Bài học gồm hai nội dung: khái quát chủ đề và nêu thể loại các văn bản đọc chính.</p> <p>Với chủ đề Sự sống thiêng liêng, bài học tập trung vào một số vấn đề thiết thực, có ý nghĩa quan trọng: yêu thương con người, yêu thiên nhiên...</p>

Hoạt động 2: Tìm hiểu tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu:

- Xác định được khái niệm luận đề và luận điểm trong văn nghị luận
- Xác định được khái niệm bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn - Xác định được khái niệm nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt. nghị luận.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến phần *Tri thức Ngữ Văn*.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung phần *Tri thức Ngữ Văn*.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu khái niệm	II. Tri thức Ngữ văn

luận đề, luận điểm trong văn bản nghị luận

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên

+ *Phân biệt luận đề và luận điểm?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài tập gợi dẫn.

- HS nghe câu hỏi, đọc phần *Tri thức ngữ văn* và hoàn thành trả lời câu hỏi chất lọc ý.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung và mối liên hệ giữa các yếu tố này.

Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản nghị luận

1. Luận đề và luận điểm trong văn nghị luận

- Luận đề: là vấn đề chính được nêu ra để bàn luận trong văn bản nghị luận.

- Luận điểm: là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.

Trong văn bản nghị luận, luận đề được thể hiện bằng luận điểm và làm sáng tỏ bằng lí lẽ, dẫn chứng.

2. Bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận

- Bằng chứng khách quan là những thông tin khách quan, có thể kiểm chứng được trong thực tế.

- Ý kiến đánh giá chủ quan: là những nhận định, suy nghĩ, phán đoán theo góc nhìn chủ quan của người viết, thường ít có cơ sở kiểm chứng. Do vậy, để giảm tính chủ quan trong đánh giá, giúp ý kiến trở nên đáng tin cậy, người viết cần đưa ra được các bằng chứng khách quan.

- Có thể phân biệt hai khái niệm này dựa vào bảng sau:

Bằng chứng khách quan	Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết
Là các thông tin khách quan như: số liệu, thời gian, nơi chốn, con người và sự	Là các ý kiến chủ quan như: quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủ quan về sự việc, hiện tượng; có thể

<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV cho HS tiếp tục đọc thông tin trong mục <i>Tri thức Ngữ Văn</i> trong SGK (trang 55)</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS ghi chép tóm lược nội dung kiến thức</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.</p>	<p>kiện...</p>	<p>có được diễn đạt bằng các cụm từ như: tôi cho rằng, tôi thấy... hoặc các tính từ thể hiện sự đánh giá chủ quan.</p>
	<p>Dựa trên những thí nghiệm, nghiên cứu, có nguồn đáng tin cậy, có thể xác định đúng, sai dựa vào thực tế.</p>	<p>Dựa trên cảm nhận, cách nhìn, diễn giải của cá nhân; không có cơ sở để kiểm chứng.</p>

3. Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt

- Một số yếu tố Hán Việt thông dụng dưới đây có thể kết hợp với nhau, hoặc kết hợp với các yếu tố khác để tạo thành từ Hán Việt:

- + Chinh (đánh dẹp, đi xa): chinh phục, chinh phụ...
- + Lạm (quá mức): lạm phát, lạm dụng...
- + Tuyệt (dứt, hết...): tuyệt bút, tuyệt nhiên...
- + Vô (không, không có): vô bổ, vô tận...

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố và vận dụng những kiến thức về bài *Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn* để giải quyết bài tập.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức.

c. Sản phẩm học tập: Sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức của HS.

d. Tổ chức thực hiện:**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập: *Sau khi học xong bài Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn, em tiếp thu được những tri thức gì? Hãy hệ thống hóa lại kiến thức đó bằng sơ đồ tư duy.*
- GV hướng dẫn HS hoàn thành sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức bài học.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV gọi một vài HS trình bày sơ đồ đã hoàn thành trước lớp, các HS khác quan sát, lắng nghe và bình chọn ra sản phẩm đẹp, đủ và đúng nhất.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của cả lớp và tổng kết lại bài học.

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:
- + Ôn tập lại bài *Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn*.
- + Soạn bài: ***Bức thư của thủ lĩnh da đỏ***

TIẾT...: VĂN BẢN 1. *BỨC THƯ CỦA THỦ LĨNH DA ĐỎ*
(XI - ÁT - TÔ)

I. MỤC TIÊU**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Xác định được thể loại của văn bản.
- Nhận diện và xác định được bố cục của văn bản.
- Nhận diện và phân tích được *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ* xuất phát từ tình yêu thiên nhiên, đất nước, con người đã nêu lên một vấn đề bức xúc có ý nghĩa to lớn đối với cuộc sống hiện nay: bảo vệ và gìn giữ sự trong sạch của thiên nhiên, môi trường.
- Nhận diện và phân tích được tác dụng của một số biện pháp tu từ, nhân hoá, điệp ngữ, đối lập.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản Bức thư của thủ lĩnh da đỏ
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản Bức thư của thủ lĩnh da đỏ
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương con người, yêu thiên nhiên...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*

b. Nội dung: GV cho HS xem video và đặt câu hỏi phát vấn

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi: *Quê hương em đang sinh sống là một nơi như thế nào? Em hãy chia sẻ với bạn bè về vẻ đẹp của nơi đây.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả Xi-át-tô và tác phẩm <i>Bức thư của thủ lĩnh da đỏ</i>. - GV hướng dẫn cách đọc. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB. - HS lắng nghe. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan 	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xi – át – tô là một thủ lĩnh người da đỏ. - <i>Bức thư của thủ lĩnh Xi -át-ton</i> viết để trả lời Tổng thống thứ 14 của Mỹ Phreng – kiln Pi-ơ-xơ. <p>2. Tác phẩm</p> <p>a Xuất xứ: Năm 1854, Tổng thống thứ 15 của nước Mĩ là Phreng -klin Pi-ơ-xơ tô ý muốn mua đất của người da đỏ. Thủ lĩnh Xi-át-ton đã gửi bức thư này trả lời. Đây là bức thư rất nổi tiếng, từng được nhiều người xem là một trong những văn bản hay nhất về</p>

<p>đến bài học.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. 	<p>thiên nhiên và môi trường</p> <p>b. Phương thức biểu đạt chính: nghị luận</p> <p>c. Bố cục</p> <p>Tác phẩm được chia làm 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần 1 (từ đầu đến "<i>cha ông chúng tôi</i>"): Những điều thiêng liêng trong kí ức người da đỏ. - Phần 2 (tiếp đến "<i>Đều có sự ràng buộc</i>"): Những lo âu của người da đỏ về đất đai môi trường sẽ bị tàn phá bởi người da trắng. - Phần 3 (còn lại): Kiến nghị của người da đỏ về việc bảo vệ môi trường, đất đai.
---	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận diện và phân tích được Bức thư của thủ lĩnh da đỏ xuất phát từ tình yêu thiên nhiên, đất nước, con người đã nêu lên một vấn đề bức xúc có ý nghĩa to lớn đối với cuộc sống hiện nay: bảo vệ và gìn giữ sự trong sạch của thiên nhiên, môi trường.
- Nhận diện và phân tích được tác dụng của một số biện pháp tu từ, nhân hoá, điệp ngữ, đối lập.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản Bức thư của thủ lĩnh da đỏ

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ :Thảo luận nhóm đôi	1. Thái độ ứng xử của con người với

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:

+ *Xác định hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản.*

+ *Em hiểu như thế nào về ý kiến: “Đất là Mẹ. Điều gì xảy ra với đất đai tức là xảy ra đối với những đứa con của Đất”? Tìm một số ví dụ từ thực tế để chứng minh cho cách hiểu của em.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

- HS trình bày sản phẩm.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng

thiên nhiên, đất đai, môi trường.

a. Người da đỏ:

- Đất là thiêng, đất là bà mẹ.

- Chúng tôi không thể nào quên được mảnh đất tươi đẹp này.

- Chúng tôi là một phần tử của mẹ và mẹ cũng là một phần của chúng tôi.

- Hoa là chị, là em ... vũng nước, mồm đá, chú ngựa con ... tất cả đều chung một gia đình.

- Dòng sông, con suối là máu của tổ tiên, là anh em, ...

- Tiếng thì thầm của dòng nước là tiếng nói của cha ông.

- Không khí là quý giá...

- Đất đai giàu có được là do nhiều mạng sống bồi đắp nên.

- Đất là mẹ.

=> Quan hệ gắn bó, biết ơn, hài hoà, thân yêu, thiêng liêng mà gần gũi ... như trong một gia đình, như với người anh, chị em ruột thịt, như với bà mẹ hiền minh, vĩ đại.

- Thái độ tình cảm và cách ứng xử rất rõ ràng bởi đó là quan hệ của họ, là mảnh đất bao đời gắn với nòi giống và sâu trong nguồn cội là tình yêu tha thiết, máu thịt của người da đỏ đối với đất nước, quê hương.

- Cách nói nhắc đi nhắc lại trùng điệp để nhấn mạnh, khắc sâu tạo ấn tượng.

b. Người da trắng.

- Muốn dùng tiền bạc, đô la để mua

đất.

- Khi chết, thường quên đi đất nước họ sinh ra.

- Không hiểu cách sống của người da đỏ.

- Kẻ xa lạ, trong đêm tối, họ lấy đi từ lòng đất những gì họ cần.

- Kẻ thù, kẻ chinh phục, lấn tới.

- Đối xử với đất và anh em bầu trời như những vật mua được, tước đoạt được và bán đi như những con cừu và những hạt kim cương.

- Thèm khát ngấu nghiêng đất đai, để lại đống sau những bãi hoang mạc.

- Xoá bỏ cuộc sông yên tĩnh, thanh khiết ...

- Huỷ diệt muông thú quý hiếm ...

=> Chủ yếu nhằm vào việc khai thác, tận dụng vì lợi nhuận tối đa, bất chấp hậu quả trước mắt hay lâu dài. Đó cũng là mặt trái của chủ nghĩa tư bản đế quốc Mỹ trong quá trình phát triển của nó.

2. Một bức thư về chuyện mua bán đất trở thành một bài văn hay bậc nhất về vấn đề bảo vệ tài nguyên và môi trường.

- Xuất phát điểm của bức thư là tình yêu, quê hương, đất nước.

- Người ta không thấy người viết thư trả lời có bán hay không, lại càng không bàn về chuyện giá cả. Vấn đề được đặt ra chỉ như một giả thiết để tạo đà, tạo thế cho việc trình bày quan điểm và bộc lộ tình cảm.

	<ul style="list-style-type: none"> - Tác giả không chỉ đề cập đến vấn đề về đất nước mà tất cả những hiện tượng có liên quan tới đất: Thiên nhiên, môi trường - vấn đề toàn trái đất đang quan tâm. - Phản đối sự huỷ hoại môi trường của người da trắng. - Xuất phát từ lòng yêu quê hương đất nước, bỗng trở thành một văn bản có giá trị hay nhất về vấn đề bảo vệ thiên nhiên và môi trường. <p>3. Nghệ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật đối lập (mục 1). - Nghệ thuật trùng điệp: nhắc đi, nhắc lại một cách có dụng ý các từ, ngữ, cấu trúc câu ...) <p>=> Tác dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được tình cảm gắn bó sâu nặng với quê hương, đất nước. - Phê phán, châm biếm lối sống và thái độ tình cảm của người da trắng. - Thái độ cương quyết, cứng rắn. - Lời văn nhịp nhàng, lời cuốn thêm khí thế.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản “*Bức thư của người da đỏ*”

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: *Sau khi học xong văn bản, đoạn văn nào để lại cho em ấn tượng mạnh nhất? Vì sao?*

c. Sản phẩm học tập: HS trình bày suy nghĩ

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Sau khi học xong văn bản, đoạn văn nào để lại cho em ấn tượng mạnh nhất? Vì sao?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản liên hệ trải nghiệm của bản thân

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để Thực hiện yêu cầu: “Theo em, con người cần ứng xử như thế nào với tài nguyên thiên nhiên và sự sống của muôn loài? Trình bày ý kiến của em về vấn đề này bằng một đoạn văn khoảng một trăm năm mươi chữ.”

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

“Theo em, con người cần ứng xử như thế nào với tài nguyên thiên nhiên và sự sống của muôn loài? Trình bày ý kiến của em về vấn đề này bằng một đoạn văn khoảng một trăm năm mươi chữ.”

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện viết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được nội dung văn bản

+ Soạn bài tiếp theo

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

TIẾT...: VĂN BẢN 2. THIÊN NHIÊN VÀ HỒN NGƯỜI LÚC SANG THU

(Vũ Nho)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Xác định được luận đề và luận cứ của văn bản.
- Nhận diện và phân tích được bằng chứng khách quan và ý kiến đánh giá trong văn bản.
- Nhận biết và phân tích được các nét đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.

2. Năng lực**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu

3. Phẩm chất:

- Yêu thiên nhiên

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài **Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu**

b. Nội dung: GV cho HS ghi một vài cảm nhận khi đọc bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi: “*Em hãy ghi lại một vài cảm nhận sau khi đọc bài thơ Sang thu của nhà thơ Hữu Thỉnh trong chương trình ngữ văn 7*”

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về văn bản **Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu**

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Xác định thể loại của văn bản. + Xuất xứ của văn bản. - GV hướng dẫn cách đọc. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn	I. Tìm hiểu chung - Thể loại: Văn nghị luận - Văn bản <i>Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu</i> được trích Đi giữa miền thơ của NXB Văn học, năm 1999.

VB.

- HS lắng nghe.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Xác định được luận đề và luận cứ của văn bản.

- Nhận diện và phân tích được bằng chứng khách quan và ý kiến đánh giá trong văn bản.

- Nhận biết và phân tích được các nét đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Nhiệm vụ 1:</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS dựa vào văn bản</p>	<p>II. Tìm hiểu chi tiết</p> <p>1. Hệ thống luận điểm, lí lẽ và dẫn</p>

<p>vừa đọc, trả lời câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Nêu luận đề của văn bản và cơ sở xác định luận đề đó.</i> + <i>Xác định hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - HS trình bày sản phẩm. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng <p>* Nhiệm vụ 2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đặt câu hỏi: - GV yêu cầu HS thảo luận: + <i>Tìm câu văn thể hiện bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản.</i> <ul style="list-style-type: none"> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi 	<p>chứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luận đề: Cảm nhận về thiên nhiên và hồn người lúc sang thu. - Luận điểm 1: Cảm nhận của tác trong khổ thơ thứ nhất và thứ 2: Bức tranh thiên nhiên mùa thu được miêu tả bằng khứu giác, thị giác, xúc giác. + Không phải là những nét đặc trưng của trời mây hay sắc vàng của hoa cúc mà bắt đầu là hương ổi – một chữ “phả” đủ gợi hương thơm sánh lại. + Cảm nhận được “hương ổi”, đã nhận ra “gió se”, mắt lại nhìn thấy sương đang “chùng chình qua ngõ” . + Thiên nhiên được quan sát rộng lớn hơn, nhiều tầng bậc hơn “sông dềnh dàng” và “chim vội vã”. - Luận điểm 2: Cảm nhận của tác giả về suy nghĩ, chiêm nghiệm của nhà thơ qua khổ thơ thứ 3. + Cảm nhận, suy ngẫm về tâm trạng của tác giả khi nhìn cảnh vật trong những ngày đầu thu qua hình ảnh nắng, mưa, sấm. + Cảm nhận và trả lời cho những chiêm nghiệm và sự từng trải của tác giả qua hình ảnh “Hàng cây đứng tuổi”: hình ảnh gợi cho người đọc nhiều liên tưởng như một đời người trưởng thành rồi già cỗi đi. <p>2. Bằng chứng khách quan và ý kiến chủ quan.</p>
--	--

<p>- HS trình bày sản phẩm.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm thảo luận</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng</p> <p>GV chốt lại kiến thức</p>	<p>- Câu văn thể hiện bằng chứng khách quan của người viết là:</p> <p>+ Với các thi nhân, mùa thu lưu dấu của mình trong những vần thơ đượm một vẻ riêng trong trẻo.</p> <p>- Câu văn thể hiện ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết là:</p> <p>Đến lượt mình, Hữu Thỉnh lại làm cho mùa thu có thêm hương sắc mới.</p> <p>III/ TỔNG KẾT</p> <p>1. Nội dung</p> <p>- Văn bản là lời cảm nhận sâu sắc của tác giả Vũ Nho đối với thiên nhiên và hồn người trong bài thơ Sang Thu. – Hữu Thỉnh.</p> <p>2. Nghệ thuật</p> <p>- Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.</p> <p>- Lựa lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc.</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học về văn bản Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: hoàn thành câu hỏi 5 (trang 65 – SGK) vào vở

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu 5 (trang 65 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Em có đồng ý với nhận định “Nhan đề Sang thu vừa bao trùm lại vừa thấm vào từng từ ngữ, cảnh vật” hay không? Vì sao?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản liên hệ với trải nghiệm của bản thân

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học viết đoạn văn khoảng 7 – 9 câu trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp thiên nhiên lúc giao mùa

c. Sản phẩm học tập: Phần trình bày của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn khoảng 7 – 9 câu trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp thiên nhiên lúc giao mùa

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện viết bài

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản

+ Soạn bài tiếp theo

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
----------	-----------------------------	---------------------	---------------------------

Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

* Phiếu học tập

TIẾT...: ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: BÀI CA CÔN SƠN

(Nguyễn Trãi)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Nhận diện được thể loại của văn bản.

- Xác định được bố cục của văn bản.
- Nhận biết và phân tích được sự hoà nhập nên thơ, thanh cao của Nguyễn Trãi với cảnh trí Côn Sơn ở đoạn thơ trong “Bài ca Côn Sơn” và hồn thơ thấm thiết tình quê của Trần Nhân Tông trong bài “Thiên Trường vãn vọng”.
- Xác định và phân tích được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về vẻ đẹp thiên nhiên qua bài thơ
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu thiên nhiên

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Bài ca Côn Sơn*

b. Nội dung: Tổ chức hoạt động “Truy tìm mật thư”

c. Sản phẩm: Câu trả lời của Học sinh

d. Tổ chức thực hiện:**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức hoạt động “Truy tìm mật thư”
- GV sẽ phát cho mỗi tổ 1 mật thư trong đó sẽ có gợi ý về những từ khóa, HS dựa vào mật thư để hoàn thành ô chữ phía dưới mật thư

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV động viên tất cả HS trong lớp đều tham gia và nộp lại phiếu cho GV

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm *Bài ca Côn Sơn*

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm “*Bài ca Côn Sơn*”

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả Nguyễn Trãi và tác phẩm <i>Bài ca Côn Sơn</i> . - GV hướng dẫn cách đọc. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB. - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Tên: Nguyễn Trãi - Sinh năm: 1380 – 1442 - Hiệu: ức Trai, con của Nguyễn Phi Khanh. - Quê quán: Chi Ngại – Chí Linh- Hải Dương, sau: Nhị Khê- Thường Tín – Hà Tây.

<p>hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ông là người toàn đức, toàn tài, có công lớn trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh. - Là người VN đầu tiên được công nhận: danh nhân văn hoá thế giới (1980) - Cuộc đời: Gặp nhiều thăng trầm, oan ức. - Là nhà văn lớn của dtộc. - Các tác phẩm tiêu biểu: Bình Ngô đại cáo, Quốc âm thi tập, Ức Trai thi tập, Quân trung từ mệnh tập... <p>2. Tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ Côn Sơn ca được sáng tác trong thời gian ông bị chèn ép phải cáo quan về ở ẩn ở Côn Sơn. - Bài thơ được viết bằng chữ Hán trong tập “Ức Trai thi tập”.
---	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận diện được thể loại của văn bản.
- Xác định được bố cục của văn bản.
- Nhận biết và phân tích được sự hoà nhập nên thơ, thanh cao của Nguyễn Trãi với cảnh trí Côn Sơn ở đoạn thơ trong “Bài ca Côn Sơn” và hồn thơ thấm thiết tình quê của Trần Nhân Tông trong bài “Thiên Trường vãn vọng”.
- Xác định và phân tích được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + <i>Xác định thể thơ.</i> + <i>Xác định cách gieo vần của bài thơ.</i> + <i>Xác định bố cục của bài thơ.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - HS trình bày sản phẩm. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng <p>* Nhiệm vụ 2</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đặt câu hỏi: - GV yêu cầu HS thảo luận: + <i>Cảnh Côn Sơn được miêu tả qua những hình ảnh cụ thể nào?</i> + <i>Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật mà tác giả sử dụng trong bài thơ.</i> 	<p>3. Đọc - kể tóm tắt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể loại: Thơ lục bát - Gieo vần: rằm – cầm, êm- nôm + Chữ cuối câu 6 vần với chữ 6 câu 8 + Chữ cuối câu 8 vần với chữ cuối câu 8 cặp dưới. - Bố cục: 2 phần + Phần 1 – Cảnh trí Côn Sơn + Phần 2 – Cuộc sống và tâm hồn Nguyễn Trãi ở Côn Sơn. <p>II. Tìm hiểu chi tiết</p> <p>1. Cảnh trí Côn Sơn</p> <p>a. Cảnh trí Côn Sơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Suối chảy rì rầm - đàn cầm + Đá rêu phơi – chiếu êm + Thông – như nôm + Trúc râm <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật lấy động để tả tĩnh: - Tiếng suối rì rầm => sự tĩnh lặng, thanh bình = > Thiên nhiên êm ái, dịu dàng đầm ấm bao dung. Một thiên nhiên khoáng đạt, thanh tĩnh và nên thơ. <p>b. Cảnh sống và tâm hồn Nguyễn Trãi ở Côn Sơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại từ “ta” - Có mặt 5 lần - Chỉ Nguyễn Trãi đang sống những ngày nhàn tản, ẩn dật ở Côn Sơn. + Ta nghe tiếng suối

<p>+ Qua những chi tiết trên, em có nhận xét gì về cảnh trí Côn Sơn?</p> <p>+ Cho biết trong bài tác giả đã sử dụng đại từ nào? Sử dụng mấy lần? Đại từ đó chỉ ai?</p> <p>+ Nhân vật “ta” đã làm gì ở Côn Sơn?</p> <p>+ Các hoạt động đó đã vẽ nên một chân dung tâm hồn Nguyễn Trãi như thế nào ở Côn Sơn?</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi</p> <p>- HS trình bày sản phẩm.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm thảo luận</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng</p> <p>GV chốt lại kiến thức</p> <p>* Nhiệm vụ 3</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu học sinh trả lời một số câu hỏi:</p> <p>+ Qua những điều đã tìm hiểu ở trên, hình ảnh ta” đặc biệt là tâm hồn “ta” được thể hiện như thế nào?</p> <p>+ Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật</p>	<p>+ Ta ngồi trên đá</p> <p>+ Ta lên</p> <p>+ Ta nằm</p> <p>+ Ta ngâm thơ nhàn</p> <p>=>Thời gian trôi rã một cách bất đắc dĩ. Với tâm hồn thi sĩ đây là dịp để thanh thoi, thả hồn vào suối, vào thông, vào trúc nơi rừng cao bóng cả.</p> <p>- Chữ “nhàn”: tâm trạng của NTrãi thực tế chỉ nhàn một nửa, thực chất ông vẫn luôn đau đáu một nỗi niềm muốn đem sức mình phò vua, giúp nước.</p> <p>- Chữ “nhàn” mang tính tích cực, không hề bất lực, không buông xuôi mà vẫn tha thiết với đời.</p> <p>=> Hiện lên hình ảnh Nguyễn Trãi đang sống trong ung dung, nhàn tã, thả hồn mình vào cảnh trí Côn Sơn, ông giao hoà tuyệt đối với thiên nhiên.</p> <p>=> Thể hiện nhân cách thanh cao, phẩm chất thi sĩ, nghệ sĩ lớn của Nguyễn Trãi.</p> <p>III/ TỔNG KẾT</p> <p>1. Giá trị nghệ thuật</p> <p>- Đan xen các câu thơ tả cảnh và tả người</p> <p>- Sử dụng các biện pháp nghệ thuật: So sánh, điệp ngữ</p> <p>- Bản dịch thơ sử dụng thể thơ lục bát có vần điệu nhịp nhàng, sinh động</p>
---	---

<p><i>văn bản.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - HS trình bày sản phẩm. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng 	<p>b. Giá trị nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ cho thấy khung cảnh thiên nhiên ở Côn Sơn nên thơ hấp dẫn cùng sự giao hòa giữa con người với thiên nhiên được bắt nguồn từ tâm hồn thi sĩ của Nguyễn Trãi.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản Bài ca Côn Sơn

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Viết đoạn văn ngắn khoảng 7 – 9 câu nêu cảm nhận của em về hình ảnh và tâm hồn của nhân vật “ta” trong văn bản

c. Sản phẩm học tập: Phần trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn ngắn khoảng 7 – 9 câu nêu cảm nhận của em về hình ảnh và tâm hồn của nhân vật “ta” trong văn bản

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản liên hệ với bản thân

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học, phân tích được sự hoà nhập nên thơ, thanh cao của Nguyễn Trãi với cảnh trí Côn Sơn ở đoạn thơ trong “Bài ca Côn Sơn” và hồn thơ thấm thiết tình quê của Trần Nhân Tông trong bài “Thiên Trường vãn vọng”.

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được nội dung bài học

+ Soạn bài tiếp theo

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chẵn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chẵn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ	6 điểm Trả lời tương đối đầy

(6 điểm)	câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

*** Phiếu học tập**

TIẾT: ...THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Trang 66 - 67

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Nhận biết được từ Hán Việt thông dụng và từ không có yếu tố Hán Việt.
- Xác định và phân tích được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: Câu hỏi gợi mở

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn “ Em đã được học những gì về từ Hán Việt?”
- HS suy nghĩ trả lời

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phần trả lời của học sinh

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được từ Hán Việt thông dụng và từ không có yếu tố Hán Việt.
- Xác định và phân tích được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.

b. Nội dung:

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK phần Tri thức ngữ văn và hoàn thành phiếu học tập - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày vào phiếu học tập <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. 	<ul style="list-style-type: none"> - Từ Hán Việt là những từ và ngữ tố tiếng Việt bắt nguồn từ tiếng Hán và những từ tiếng Việt được người nói tiếng Việt tạo ra bằng cách ghép các từ và/hoặc ngữ tố tiếng Việt gốc Hán lại với nhau. Từ Hán Việt là một bộ phận không nhỏ của tiếng Việt, có vai trò quan trọng và không thể tách rời hay xóa bỏ khỏi tiếng Việt. - Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt. <p>Một số yếu tố Hán Việt thông dụng dưới đây có thể kết hợp với nhau, hoặc kết hợp với các yếu tố khác để tạo thành từ Hán Việt:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chinh (đánh dẹp, đi xa): chinh phục, chinh phụ... + Lạm (quá mức): lạm phát, lạm dụng... + Tuyệt (dứt, hết...): tuyệt bút, tuyệt

	nhiên... + Vô (không, không có): vô bổ, vô tận...
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về từ Hán Việt

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 66 - 67

c. Sản phẩm học tập: Phần trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bài tập SGK trang 66 – 67

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về từ Hán Việt, sưu tầm và giải nghĩa từ đó vào sổ tay Tiếng Việt

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học sưu tầm và giải nghĩa từ đó vào sổ tay Tiếng Việt

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dẫn dò HS:
- + Ôn tập, nắm được các kiến thức tiếng việt
- + Soạn bài *tiếp theo*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

* Phụ lục:

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên

	tham gia hoạt động	động	đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

*** Đáp án bài tập**

Câu 1 (trang 66 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tìm thêm những từ Hán Việt để điền vào bảng sau và giải thích ý nghĩa của chúng (làm vào vở):

ST T	Yếu tố Hán Việt	Từ Hán Việt
1	vô (không)	vô tình...
2	hữu (có)	hữu tình...
3	hữu (bạn)	thân hữu...
4	lạm (quá mức)	lạm thu...
5	tuyệt (tốt độ, hết mức)	tuyệt sắc...
6	tuyệt (dứt, hết)	tuyệt giao...
7	gia (thêm vào)	gia vị...
8	gia (nhà)	gia phong...
9	chinh (đánh dẹp)	chinh phạt...
10	chinh (đi xa)	chinh nhân...

Trả lời:

ST T	Yếu tố Hán Việt	Từ Hán Việt
1	vô (không)	vô tình, vô sự, hư vô...
2	hữu (có)	hữu tình, hữu ý, hữu duyên...
3	hữu (bạn)	thân hữu, bằng hữu...
4	lạm (quá mức)	lạm thu, lạm phát, lạm dụng...
5	tuyệt (tốt độ, hết)	tuyệt sắc, tuyệt đối...

	mức)	
6	tuyệt (dứt, hết)	tuyệt giao, tuyệt tình, tuyệt tôn...
7	gia (thêm vào)	gia vị, gia tăng...
8	gia (nhà)	gia phong, gia đình, ...
9	chinh (đánh dẹp)	chinh phạt, chinh chiến...
10	chinh (đi xa)	chinh nhân, viễn chinh...

Câu 2 (trang 67 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Đặt ba câu với ba từ Hán Việt tìm được ở bài tập 1.

Trả lời:

- Phong cảnh nơi đây thật hữu tình.
- Dân số nước ta đang gia tăng chóng mặt.
- Kỳ thi này bạn Nguyễn Văn A đã đạt điểm tuyệt đối tất cả các môn.

Câu 3 (trang 67 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Giải thích nghĩa của từ Hán Việt được in đậm trong các câu sau:

a. Bức tranh thu từ những gì **vô hình** (hương, gió), từ ngõ hẹp (ngõ) chuyển sang những nét **hữu hình**, cụ thể (sông, chim, mây) với một không gian vừa dài rộng, vừa cao vời.

(Vũ Nho, Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu)

b. Nhưng có điều khi sang thu, khi nửa đời nhìn lại thì người ta một mặt sâu sắc thêm, chín chắn thêm, **thâm trầm**, **điềm đạm** thêm, mặt khác người ta phải **khẩn trương** thêm, gấp gáp thêm.

(Vũ Nho, Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu)

c. Tài nguyên rừng đang bị thu hẹp từng ngày, diện tích rừng tự nhiên che phủ giảm dần do khai thác trái phép, đất rừng bị chuyển qua đất nông, công nghiệp, các loài sinh vật quý hiếm thì đứng trước nguy cơ **tuyệt chủng**.

(Phan Anh Hải, Hiện trạng tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam và thế giới)

d. Đối với **đồng bào** tôi, mỗi tác đất là thiêng liêng, mỗi lá thông óng ánh, mỗi hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp, mỗi bãi đất hoang và tiếng thì thầm của côn trùng là những điều thiêng liêng trong kí ức và kinh nghiệm của đồng bào tôi.

(Xi-át-tô, Bức thư của thủ lĩnh da đỏ)

Trả lời:

a.

- vô hình: không nhìn thấy (hương, gió)
- hữu hình: có thể nhìn thấy (sông, chim, mây)

b.

- thâm trầm, điềm đạm: tỏ ra sự nhẹ nhàng, từ tốn, kín đáo sâu sắc và không gắt gỏng.
- khẩn trương: vội vàng, cấp bách.

c. tuyệt chủng: kết thúc sự sinh tồn

d. đồng bào: những người cùng một giống nòi, một dân tộc

Câu 4 (trang 67 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Trong đoạn văn sau, nếu thay từ “hoang dã” bằng từ “mông muội” thì ý nghĩa của đoạn văn có thay đổi không? Vì sao?

Tôi là kẻ **hoang dã**, tôi không hiểu bất cứ một cách sống nào khác. Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng bị chết dần, chết mòn trên những cánh đồng trơ trọi vì bị người da trắng bắn mỗi khi có đoàn tàu chạy qua. Tôi là kẻ **hoang dã**, tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhả khói lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng mà chúng tôi chỉ giết để duy trì cuộc sống.

Trả lời:

Nếu thay từ “hoang dã” bằng từ “mông muội” thì ý nghĩa của đoạn văn có thay đổi. Vì: từ mông muội có nghĩa là tối tăm, mù mịt và ngu dại; nếu sử dụng như vậy người viết sẽ tự cho mình là kẻ không có hiểu biết, đồng thời khiến cảm xúc đoạn văn đi xuống theo chiều tiêu cực.

Câu 5 (trang 67 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Phân biệt ý nghĩa của các cặp từ sau và cho ví dụ minh họa:

- a. Vô tư/ vô ý thức
- b. Chinh phu/ chinh phụ

Trả lời:

a.

- Vô tư: không hoặc ít lo ngại, sống hồn nhiên.
- Vô ý thức: Không có chủ định, không nhận biết rõ ý nghĩa của việc (sai trái) mình đang làm.

→ Đặt câu:

- Nhìn các cô bé, cậu bé đang vô tư cười đùa trông thật hạnh phúc biết bao.
- Mặc dù là nơi tâm linh, nhưng có người vẫn vô ý thức ném rác bừa bãi.

b.

- chinh phu: người đàn ông đi đánh trận nơi xa thời phong kiến.
- chinh phụ: vợ của người đàn ông đang đi đánh trận thời phong kiến.

→ Đặt câu:

- Hình ảnh kẻ chinh phu trong lòng người chinh phụ là một hình ảnh không gì có thể làm phai mờ.
- Hình ảnh người chinh phụ đang đau đáu chờ chồng đi chinh chiến nơi xa thật khiến cho người ta cảm động.

TIẾT...: ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: LỐI SỐNG ĐƠN GIẢN – XU THỂ CỦA THẾ KỈ XXI

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Xác định được luận đề và luận cứ của văn bản.
- Nhận diện và phân tích được bằng chứng khách quan và ý kiến đánh giá trong văn bản.
- Nhận biết và phân tích được các nét đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Sống giản dị

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung văn bản

b. Nội dung: Câu hỏi gợi mở

c. Sản phẩm: Phần trình bày của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi: Theo em lối sống đơn giản là gì? Em đã sống một lối sống đơn giản chưa?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin về văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS: + Xác định thể loại của văn bản. + Xuất xứ của văn bản. - GV hướng dẫn cách đọc. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB. - HS lắng nghe. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. 	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể loại: Văn nghị luận - Văn bản Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI được in trong Báo Văn nghệ, số Tết, năm 2002.

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a.Mục tiêu:

- Xác định được luận đề và luận cứ của văn bản.

- Nhận diện và phân tích được bằng chứng khách quan và ý kiến đánh giá trong văn bản.

- Nhận biết và phân tích được các nét đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến *văn bản*

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + <i>Nêu luận đề của văn bản và cơ sở xác định luận đề đó.</i> + <i>Xác định hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - HS trình bày sản phẩm. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng 	<p>II. Tìm hiểu chi tiết</p> <p>1. Hệ thống luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luận đề: Lối sống đơn giản - Luận điểm 1: Sống đơn giản là gì? + Sống đơn giản không đồng nghĩa với sống khổ hạnh và nghèo đói, mà là cuộc sống được lựa chọn sau quá trình nghiên cứu kĩ lưỡng. - Luận điểm 2: Lợi ích của việc sống đơn giản. + Giúp chúng ta kiềm chế lòng tham, cân nhắc kĩ lưỡng các yêu cầu của bản thân. · Một căn nhà rộng rãi sẽ đem lại sự dễ chịu cho người ở.... · Biến mình trở thành một con người nhàn nhã, bình yên và không hao phí thời gian vào những việc vô bổ. · Lối sống này được ông cha ta coi trọng từ thời xa xưa. <p>2. Bằng chứng khách quan và ý kiến</p>

*** Nhiệm vụ 2****Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ****- GV đặt câu hỏi:**

- GV yêu cầu HS thảo luận:

+ *Tìm câu văn thể hiện bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

- HS trình bày sản phẩm.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng

GV chốt lại kiến thức.

*** Nhiệm vụ 3****Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi:

+ *Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

- HS trình bày sản phẩm.

chủ quan.

- Câu văn thể hiện bằng chứng khách quan của người viết trong đoạn thứ tư của văn bản là:

“Có thể kể ra ở đây có rất nhiều danh nhân của đất Việt đã từng có cuộc sống như vậy: Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Hồ Chí Minh...”

- Câu văn thể hiện ý kiến, đánh giá chủ quan của văn bản là:

Dựa vào nguyên tắc của cuộc sống đơn giản, tiêu chuẩn tối thiểu của cuộc sống này là: đáp ứng đầy đủ những nhu cầu thiết yếu như ăn, mặc, ở, đi lại.

III. Tổng kết**1. Nội dung**

- Văn bản bàn về lối sống đơn giản và lợi ích mà lối sống đơn giản đem đến cho con người.

2. Nghệ thuật

- Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.

- Lựa lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc.

<p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng - GV chuẩn kiến thức. 	
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ vẽ sơ đồ tư duy hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản, em hãy đưa ra một số ý kiến của em về cách hình thành thói quen sống giản dị ở xã hội hiện nay

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để *bày tỏ ý kiến cá nhân*

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Em hãy đưa ra một số ý kiến của em về cách hình thành thói quen sống giản dị ở xã hội hiện nay

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp vào buổi học sau, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được các thông tin cơ bản trong văn bản

+ Soạn bài tiếp theo

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chẵn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chẵn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao

	mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện		Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

TIẾT ...: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS nắm được kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập \.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS chia sẻ những cảm xúc, suy nghĩ về một vấn đề đời sống hiện nay mà em quan tâm

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ, chuẩn bị để chia sẻ trước lớp.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá kết quả

- GV dẫn vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu một số điểm cần lưu ý khi viết một bài văn nghị luận về vấn đề đời sống

a. Mục tiêu: Nắm được một số điểm cần lưu ý về kiểu văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về một số điểm cần lưu ý khi viết bài nghị luận về một vấn đề đời sống

c. Sản phẩm học tập: HS nắm được một số điểm cần lưu ý khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm	1. Luận đề và luận điểm trong văn nghị luận

<p>vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS: + <i>Luận đề là gì?</i> + <i>Luận điểm là gì?</i> + <i>Thế nào là bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản nghị luận.</i> - HS thực hiện nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học; - HS trình bày sản phẩm. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luận đề: là vấn đề chính được nêu ra để bàn luận trong văn bản nghị luận. - Luận điểm: là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề. <p>Trong văn bản nghị luận, luận đề được thể hiện bằng luận điểm và làm sáng tỏ bằng lí lẽ, dẫn chứng.</p> <p>2. Bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bằng chứng khách quan là những thông tin khách quan, có thể kiểm chứng được trong thực tế. - Ý kiến đánh giá chủ quan: là những nhận định, suy nghĩ, phán đoán theo góc nhìn chủ quan của người viết, thường ít có cơ sở kiểm chứng. Do vậy, để giảm tính chủ quan trong đánh giá, giúp ý kiến trở nên đáng tin cậy, người viết cần đưa ra được các bằng chứng khách quan. - Có thể phân biệt hai khái niệm này dựa vào bảng sau: <table border="1" data-bbox="687 1104 1465 1968"> <thead> <tr> <th>Bằng chứng khách quan</th><th>Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Là các thông tin khách quan như: số liệu, thời gian, nơi chốn, con người và sự kiện...</td><td>Là các ý kiến chủ quan như: quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủ quan về sự việc, hiện tượng; có thể có được diễn đạt bằng các cụm từ như: tôi cho rằng, tôi thấy... hoặc các tính từ thể hiện sự đánh giá chủ quan.</td></tr> <tr> <td>Dựa trên những thí nghiệm, nghiên cứu, có nguồn đáng tin cậy, có thể xác định đúng, sai dựa vào thực tế.</td><td>Dựa trên cảm nhận, cách nhìn, diễn giải của cá nhân; không có cơ sở để kiểm chứng.</td></tr> </tbody> </table>	Bằng chứng khách quan	Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết	Là các thông tin khách quan như: số liệu, thời gian, nơi chốn, con người và sự kiện...	Là các ý kiến chủ quan như: quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủ quan về sự việc, hiện tượng; có thể có được diễn đạt bằng các cụm từ như: tôi cho rằng, tôi thấy... hoặc các tính từ thể hiện sự đánh giá chủ quan.	Dựa trên những thí nghiệm, nghiên cứu, có nguồn đáng tin cậy, có thể xác định đúng, sai dựa vào thực tế.	Dựa trên cảm nhận, cách nhìn, diễn giải của cá nhân; không có cơ sở để kiểm chứng.
Bằng chứng khách quan	Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết						
Là các thông tin khách quan như: số liệu, thời gian, nơi chốn, con người và sự kiện...	Là các ý kiến chủ quan như: quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủ quan về sự việc, hiện tượng; có thể có được diễn đạt bằng các cụm từ như: tôi cho rằng, tôi thấy... hoặc các tính từ thể hiện sự đánh giá chủ quan.						
Dựa trên những thí nghiệm, nghiên cứu, có nguồn đáng tin cậy, có thể xác định đúng, sai dựa vào thực tế.	Dựa trên cảm nhận, cách nhìn, diễn giải của cá nhân; không có cơ sở để kiểm chứng.						

Hoạt động 2: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Hiểu được các viết bài văn.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành viết bài

c. Sản phẩm học tập: HS hiểu được quy trình viết

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Nhiệm vụ 1:</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS tìm hiểu và phân tích bài <i>Hãy yêu mến, bảo vệ thiên nhiên</i> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - Dự kiến sản phẩm: <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. <p>*Nhiệm vụ 2</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: <i>Theo em khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống chúng ta cần thực hiện theo mấy bước? Là những bước nào?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>* Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản:</p> <p>Văn bản: Hãy yêu mến, bảo vệ thiên nhiên (Theo Hồ Quang Trung, Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ, số tháng 5 năm 2021)</p> <p>Câu 1 (trang 71 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Vấn đề được bàn luận trong bài viết là gì? Tác giả thể hiện thái độ đồng tình hay phản đối đối với vấn đề đó?</p> <p>Trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề được bàn luận trong bài viết là cần yêu mến và bảo vệ thiên nhiên. - Tác giả thể hiện thái độ đồng tình với vấn đề trên. <p>Câu 2 (trang 71 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Vẽ sơ đồ thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong bài viết.</p> <p>Trả lời:</p>

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

- Dự kiến sản phẩm:

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.



Câu 3 (trang 71 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Nhận xét về sức thuyết phục của các lí lẽ, bằng chứng được tác giả nêu ra.

Trả lời:

Tác giả đưa ra các lí lẽ, bằng chứng phù hợp, dễ hiểu giúp người đọc xác định và hình dung rõ hơn vấn đề đang bàn luận và soi xét vào thực tế cuộc sống.

3. Hướng dẫn quy trình viết

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- Em có thể chọn một vấn đề dưới đây để bày tỏ ý kiến đồng tình hay phản đối:

+ Tầm quan trọng của việc bảo vệ rừng.

+ Hiện tượng xả rác bừa bãi.

+ Nạn săn bắt thú hoang dã.

+ Tuổi trẻ cần có trách nhiệm với việc bảo vệ môi trường sống.

+ Cần cấm sử dụng vật dụng bằng ni lông để bảo vệ môi trường.

+ ...

<

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố kiến thức đã học về kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống

b. Nội dung: HS thực hành viết bài

c. Sản phẩm học tập: Bài văn của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài làm

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu GV giao.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài viết và chuẩn bị nộp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS dùng bảng kiểm để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và những gì học hỏi được từ bạn.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 HS lên kiểm phiếu để nêu bài thơ được bình chọn là bài thơ hay nhất của lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS.

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:
- + Ôn tập, nắm được các bước viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống
- + Soạn bài tiếp theo

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên

	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
--	----------	-----	----------

Phần mở đầu	Nêu vấn đề cần bàn luận		
	Nêu ý kiến đồng tình hay phản đối.		
Phần thân bài	Giải thích được từ ngữ quan trọng và ý nghĩa của ý kiến cần bàn luận.		
	Trình bày vấn đề cần bàn luận.		
	Trình bày ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận.		
	Nêu được ít nhất hai lí lẽ một cách thuyết phục để làm rõ luận điểm.		
	Nêu được bằng chứng đa dạng, cụ thể, phù hợp với luận điểm.		
	Sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo một trình tự hợp lí		
Phần kết bài	Khẳng định lại vấn đề.		
	Đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học rút ra từ vấn đề bàn luận.		
Trình bày, diễn đạt	Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.		
	Diễn đạt chặt chẽ, thuyết phục.		

TIẾT ...: NÓI VÀ NGHE. TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS tóm tắt được nội dung và đưa được ý kiến về một vấn đề xã hội.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

- Năng lực tóm tắt ý chính do người khác trình bày

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
- Video nói về tư duy phản biện.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS về bài học

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi gợi mở: *“Theo em, khi trình bày một vấn đề nào đó trước đám đông, chúng ta cần có tác phong như thế nào?”*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 3 – 4 HS nêu ý kiến

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.
- GV dẫn vào bài học

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Chuẩn bị trước khi nghe

a. Mục tiêu: Xác định được các thao tác cần thực hiện khi nghe

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định nội dung nghe. - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nghe và trình bày. - HS thực hiện nhiệm vụ <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - Các nhóm luyện nói <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. 	<p>Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, thời gian và không gian nói</p> <p>Để thuyết phục người nghe về ý kiến, quan điểm của mình, cần trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người nghe là ai? Họ mong muốn thu nhận được gì từ bài nói? - Buổi tọa đàm diễn ra ở đâu? Có bao nhiêu thời gian để trình bày, trao đổi? - Chọn cách trình bày như thế nào cho phù hợp với đối tượng, địa điểm và thời gian nói? <p>Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý</p> <p>Từ nội dung đã trình bày ở phần Viết, tóm tắt hệ thống ý dưới dạng sơ đồ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở đầu: giới thiệu vấn đề sẽ trình bày, nêu rõ ý kiến đồng tình hay phản đối với vấn đề đó. - Phần chính: giải thích thuật ngữ, khái niệm liên quan đến vấn đề trình bày, khẳng định luận điểm đồng tình hay phản đối của người

	<p>nói...</p> <p>- Kết thúc: khẳng định lại ý kiến, đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học nhận thức và hành động.</p> <p>Bước 3: Luyện tập và trình bày</p> <p>Khi luyện tập và trình bày, em chú ý:</p> <p>- Chào người nghe, tự giới thiệu bản thân.</p> <p>- Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói.</p> <p>- Dự kiến các câu hỏi, phản hồi của người nghe và câu trả lời của em.</p> <p>Bước 4: Trao đổi và đánh giá</p> <p>Sử dụng bảng kiểm (SGK/75) tự đánh giá kỹ năng trình bày của bản thân và đánh giá bài trình bày.</p>
--	--

Hoạt động 2: Xác định các tiêu chí đánh giá kỹ năng trình bày

- a. Mục tiêu:** Xác định các tiêu chí đánh giá kỹ năng trình bày
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm</p>	<p>II. Các tiêu chí đánh giá</p> <p>Xem ở bảng kiểm</p>

<p>mà GV đã chia để thống nhất các tiêu chí đánh giá kĩ năng trình bày</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS thảo luận theo nhóm để xác định các tiêu chí đánh giá kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả hoạt động của nhóm mình, yêu cầu các nhóm khác nghe, nhận xét.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt tiêu chí.</p>	
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học về kĩ năng trình bày một vấn đề xã hội

b. Nội dung: HS dựa vào kiến thức đã học và SGK để hoàn thành BT.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS liên quan đến bài học

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Hoàn thành bài nói và nghe

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- Thực hiện hoàn thành bài nói và nghe

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe GV yêu cầu, sau đó thực hiện

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn trước bài *Ôn tập*.

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

Bảng kiểm kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội

Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
Bài trình bày có đủ các phần giới thiệu, nội dung, kết thúc		
Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút		
Nêu rõ vấn đề trình bày		
Trình bày trực tiếp, rõ ràng ý kiến đồng tình hay phản đối với vấn đề được trình bày		
Đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục		
Kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ và ngôn ngữ		
Ghi nhận và phản hồi lịch sự, thỏa đáng những câu hỏi hoặc phản bác của người nghe		
Trình bày tự tin, nói năng lưu loát		
Đảm bảo thời gian quy định		

TIẾT ...: ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Kiến thức về luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung **Bài 3: Sự sống thiêng liêng**

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi: *Sau khi học xong chủ đề 3, em đã được cung cấp thêm kiến thức liên quan đến nội dung gì?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá
- GV dẫn vào bài Ôn tập

B. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP

- a. Mục tiêu:** Ghi nhớ và vận dụng những kiến thức đã học trong *bài 3*
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HĐ nhóm Hoàn thành các câu hỏi ôn tập - HS nhận nhiệm vụ.</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu.</p> <p>B3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện nhóm trình bày; Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung (Phần thuyết trình có thể thuyết trình kết hợp với các slide hoặc sáo)</p> <p>B4: Kết luận, nhận định (GV): - Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm),</p>	Xem ở mục lục

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức về *Bài 3: Sự sống thiêng liêng*
- b. Nội dung:** GV cho HS tự nhắc lại về những kiến thức đã học được.
- c. Sản phẩm học tập:** Những kiến thức HS đã học được trong *Bài 3* và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở *Bài 3*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở *Bài 3*

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chốt nội dung bài học

* Hướng dẫn về nhà

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại nội dung **Bài 3: Sự sống thiêng liêng**

+ **Soạn bài 4: Sắc thái của tiếng cười**

Đáp án bài tập

Câu 1 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tóm tắt luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của ba văn bản nghị luận đã học bằng cách hoàn thành bảng sau (làm vào vở):

Văn bản	Luận đề	Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng
Bức thư của thủ lĩnh da đỏ			
Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu			
Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI			

Trả lời:

Văn bản	Luận đề	Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng
Bức thư của thủ lĩnh da đỏ	Sống hòa hợp và bảo vệ mảnh đất nơi đây	<p>- Luận điểm 1: Những điều thiêng liêng trong kí ức của người da đỏ</p> <p>- Luận điểm 2: Những lo lắng của người da đỏ nếu bán đất cho người da trắng.</p> <p>- Luận điểm 3: Kiến nghị của người da đỏ</p>	<p>Luận điểm 1:</p> <p>+ Mảnh đất là người mẹ, bông hoa là người chị, người em.</p> <p>+ Dòng nước là máu của tổ tiên.</p> <p>+ Tiếng thì thầm của dòng nước là tiếng nói của cha ông.</p> <p>Luận điểm 2:</p> <p>+ Họ sẽ lấy đi trong lòng đất những gì họ cần.</p> <p>+ Lòng thèm khát của họ sẽ ngấu nghiến đất đai.</p> <p>+ Họ chẳng để ý đến bầu không khí mà họ hít thở.</p>

			<p>Luận điểm 3:</p> <p>+ Phải biết quý trọng đất đai.</p> <p>+ Hãy khuyên bảo chúng đất là mẹ.</p>
Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu	Cảm nhận về thiên nhiên và hồn người lúc sang thu	<p>- Cảm nhận của tác trong khổ thơ thứ nhất và thứ 2: Bức tranh thiên nhiên mùa thu được miêu tả bằng khứu giác, thị giác, xúc giác.</p> <p>- Cảm nhận của tác giả về suy nghĩ, chiêm nghiệm của nhà thơ qua khổ thơ thứ 3.</p>	<p>+ Không phải là những nét đặc trưng của trời mây hay sắc vàng của hoa cúc mà bắt đầu là hương ổi – một chữ “phả” đủ gợi hương thơm sánh lại.</p> <p>+ Cảm nhận được “hương ổi”, đã nhận ra “gió se”, mắt lại nhìn thấy sương đang “chùng chình qua ngõ”.</p> <p>+ Thiên nhiên được quan sát rộng lớn hơn, nhiều tầng bậc hơn “sông dềnh dàng” và “chim vội vã”.</p> <p>+ Cảm nhận, suy ngẫm về tâm trạng của tác giả khi nhìn cảnh vật trong những ngày đầu thu qua hình ảnh nắng, mưa, sấm.</p> <p>+ Cảm nhận và trả lời cho những chiêm nghiệm và sự từng trải của tác giả qua hình ảnh “Hàng cây đứng tuổi”: hình ảnh gợi cho người đọc nhiều liên tưởng như một đời người trưởng thành rồi già cỗi đi.</p>
Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI	Sống đơn giản	<p>- Sống đơn giản là gì?</p> <p>- Lợi ích của việc sống đơn giản</p>	<p>+ Sống đơn giản không đồng nghĩa với sống khổ hạnh và nghèo đói, mà là cuộc sống được lựa chọn sau quá trình nghiền cứu kĩ lưỡng.</p> <p>- Giúp chúng ta kiểm chế lòng tham, cân nhắc kĩ lưỡng các yêu cầu của bản thân.</p> <p>+ Một căn nhà rộng rãi sẽ đem lại sự dễ chịu cho người ở....</p> <p>- Biến mình trở thành một con người nhàn nhã, bình yên và không hao phí thời gian vào những việc vô bổ.</p>

			+ Lối sống này được ông cha ta coi trọng từ thời xa xưa.
--	--	--	--

Câu 2 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Căn cứ vào đâu để phân biệt bằng chứng khách quan với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản nghị luận?

Trả lời:

- Có thể phân biệt hai khái niệm này dựa vào bảng sau:

Bằng chứng khách quan	Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết
Là các thông tin khách quan như: số liệu, thời gian, nơi chốn, con người và sự kiện...	Là các ý kiến chủ quan như: quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủ quan về sự việc, hiện tượng; có thể có được diễn đạt bằng các cụm từ như: tôi cho rằng, tôi thấy... hoặc các tính từ thể hiện sự đánh giá chủ quan.
Dựa trên những thí nghiệm, nghiên cứu, có nguồn đáng tin cậy, có thể xác định đúng, sai dựa vào thực tế.	Dựa trên cảm nhận, cách nhìn, diễn giải của cá nhân; không có cơ sở để kiểm chứng.

Câu 3 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Luận điểm, lí lẽ và bằng chứng có vai trò gì trong việc thể hiện luận đề?

Trả lời:

Luận điểm, lí lẽ và bằng chứng giúp làm sáng rõ luận đề. Mỗi lí lẽ, dẫn chứng giúp cho luận đề trở nên dễ hiểu, dễ hình dung và thuyết phục người đọc, người nghe hơn.

Câu 4 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Liệt kê ít nhất mười từ có chứa các yếu tố Hán Việt đã học trong bài và giải thích ý nghĩa của chúng.

Trả lời:

Từ có các yếu tố Hán Việt	Giải thích ý nghĩa
dân gian	ở trong dân
trí tuệ	sự hiểu biết và kiến thức sâu rộng
sứ giả	người được coi là đại diện tiêu biểu cho nhân dân
bình dân	con người bình thường
bất công	không công bằng

hoàn mỹ	đẹp để hoàn toàn
triết lí	nguyên lí, đạo lí về vũ trụ và nhân sinh
bất hạnh	không may gặp phải điều rủi ro, đau khổ
nguy kịch	hết sức nguy hiểm, đe dọa nghiêm trọng đến sự sống còn
hạnh phúc	một trạng thái cảm xúc vui vẻ của người

Câu 5 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Trình bày những kĩ năng viết để tăng sức thuyết phục cho bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.

Trả lời:

Những kĩ năng viết để tăng sức thuyết phục cho bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống là:

- Hiểu rõ những gì mình viết
- Quản lí được nội dung và bố cục bài viết.
- Bám sát luận đề
- Lập luận cần đưa ra đủ lí lẽ, bằng chứng thuyết phục
- ...

Câu 6 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Ghi lại những kinh nghiệm em thu nhận được sau khi thực hiện bài thuyết trình cho buổi tọa đàm “Con người và thiên nhiên”.

Trả lời:

Những kinh nghiệm em thu nhận được sau khi thực hiện bài thuyết trình cho buổi tọa đàm “Con người và thiên nhiên”.

- Luôn tự tin, trình bày quan điểm cá nhân.
- Lắng nghe, tiếp thu ý kiến từ mọi người xung quanh.
- Yêu thiên nhiên con người, sống hòa hợp với thiên và con người.
- ...

Câu 7 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Em hãy thiết kế một sản phẩm sáng tạo mang thông điệp: “Mọi sự sống đều thiêng liêng, đáng quý”.

Trả lời:

Em có thể vẽ tranh, vẽ khẩu hiệu, sưu tầm ảnh,...